

Số: **26** /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **05** tháng **01** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 /11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 559/TTr-STNMT ngày 26/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

HƯỚNG DẪN

Thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

Phần I QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (các loại bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật thải bỏ trong quá trình hoạt động sản xuất nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Phần II PHƯƠNG PHÁP THU GOM BAO GÓI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT SAU SỬ DỤNG

1. Làm sạch bao gói thuốc BVTV sau sử dụng:

Bao gói thuốc BVTV cần được rửa sạch ngay sau khi dùng hết thuốc với kỹ thuật 3 lần rửa tách rời nhau liên tiếp, gồm các bước:

Bước 1: Gạn hết thuốc trong bao gói thuốc BVTV vào bình phun (đến khi hết nhỏ giọt nếu là dung dịch, khoảng 30 giây).

Bước 2: Cho nước sạch bằng 1/4 - 1/3 dung tích của bao gói thuốc BVTV qua sử dụng, rồi vận nắp chai hoặc gấp kín miệng mép bao gói.

Bước 3: Lắc mạnh trong khoảng 30 giây.

Bước 4: Mở nắp hoặc mép gấp gói, đổ lượng nước rửa vào bình phun đến khi không còn nhỏ giọt, khoảng 30 giây.

Làm nhắc lại từ Bước 2 đến Bước 4 đủ 3 lần để đảm bảo bao gói thuốc BVTV qua sử dụng được rửa sạch. Cần chú ý:

a) Nắp chai (nhất là đường ren) của bao gói thuốc BVTV qua sử dụng cần rửa hết thuốc tồn dư.

b) Rửa sạch cả thuốc tồn dư dính bên ngoài bao gói thuốc BVTV qua sử dụng và đổ vào bình phun.

c) Nước rửa sau cùng trong và không nhìn thấy thuốc tồn dư là được.

2. Thu gom vào bể chứa thuốc BVTV sau sử dụng:

Bao gói thuốc BVTV sau khi đã được làm sạch như trên phải được thu gom về các bể chứa.

3. Bể chứa phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Đặt tại các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn; không bị ngập lụt, gần điểm pha chế thuốc trước khi đem đi phun rải để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, khu dân cư, giao thông và mỹ quan nông thôn.

b) Làm bằng vật liệu bền chắc, có khả năng chống ăn mòn, không bị rò rỉ, không phản ứng hóa học với chất thải chứa bên trong; có khả năng chống thấm, không thấm thấu chất thải ra bên ngoài; đảm bảo không bị gió, nước làm xô dịch.

c) Có hình ống hoặc hình khối chữ nhật phù hợp với địa điểm đặt bể chứa, thuận tiện cho việc di chuyển. Dung tích bể chứa Khoảng 0,5 - 01 m³, có nắp đậy kín. Nắp bể chắc chắn, không bị gió, mưa làm xô dịch và rộng hơn thành bể tối thiểu 05 cm để tránh nước mưa chảy vào; bên thành đứng của bể chứa có ô cửa nhỏ gần nắp đậy có thể đóng mở dễ dàng; bể có chiều cao thích hợp để phòng ngừa nước lũ tràn vào bên trong.

d) Bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ "*Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*" và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo.

đ) Tùy thuộc vào đặc điểm cây trồng và mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, số lượng bể chứa phải đảm bảo chứa đựng hết bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong vùng đất canh tác. Nhưng tối thiểu phải có 01 bể chứa trên diện tích 03 ha đất canh tác cây trồng hàng năm hoặc 10 ha đất canh tác cây trồng lâu năm có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

4. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom vào các bể chứa để vận chuyển đi xử lý. Trong trường hợp cần thiết, có thể xây dựng khu vực lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật từ các bể chứa để vận chuyển đi xử lý.

5. Khu vực lưu chứa phải đảm bảo yêu cầu sau:

a) Bố trí tại địa điểm xa khu dân cư, nguồn nước, chợ, bệnh viện, trường học và đảm bảo các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường. Khu vực lưu chứa phải kín, không bị khuyếch tán mùi ra bên ngoài, có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt, thiết kế tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu chứa bằng vật liệu không cháy, có biện pháp hoặc thiết kế hạn chế gió trực tiếp vào bên trong, có rãnh thu chất lỏng về một hố ga thấp hơn sàn để đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc sự cố rò rỉ. Mặt sàn, hố ga trong khu vực lưu chứa được làm bằng vật liệu chống thấm.

b) Bên ngoài khu vực lưu chứa có ghi dòng chữ "*Khu vực lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (tên địa phương)*" và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo.

c) Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại khu vực lưu chứa được đóng gói cẩn thận trong bao bì chuyên dụng có khả năng chịu được va chạm, chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với thuốc bảo vệ thực vật chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, rò rỉ; phải được xếp cách tường bao quanh của khu vực lưu chứa ít nhất 50 cm, không cao quá 300 cm, có lối đi chính thẳng hàng và rộng ít nhất 150 cm.

d) Đảm bảo không để rơi vãi, phát tán bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong quá trình tập kết từ các bể chứa đến khu vực lưu chứa.

Phần III **VẬN CHUYỂN BAO GÓI THUỐC BẢO VỆ** **THỰC VẬT SAU SỬ DỤNG**

1. Các phương tiện vận chuyển bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương tự các phương tiện vận chuyển hàng hóa cùng loại theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện vận chuyển bao gói thuốc BVTV phải có hệ thống định vị vệ tinh (GPS) được kết nối với mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển.

3. Thiết bị lưu chứa bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng (*được quản lý như chất thải nguy hại*) lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển. Các thiết bị lưu chứa (*có vỏ cứng với cỡ lớn hơn các bao bì thông thường, như các bồn, bể, công ten nơ...*) để bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) phải đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

a) Vỏ có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

b) Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

c) Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

d) Trường hợp thiết bị lưu chứa CTNH phải có mái hoặc biện pháp che hoàn toàn nắng, mưa khác và biện pháp kiểm soát gió trực tiếp vào bên trong.

4. Yêu cầu đặc thù cho một số loại phương tiện vận chuyển CTNH như sau:

a) Xe tải thùng lắp cố định có lắp đặt thùng hoặc hộp thu chất lỏng dự phòng bên dưới đáy thùng.

b) Công ten nơ hoặc thùng có thể tháo rời phải được bắt chặt vào xe tải trước khi hoạt động.

c) Xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa CTNH.

d) Xe tải ben (*có thùng có thể vận hành nghiêng để đổ hàng xuống*) có phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa CTNH và chỉ được sử dụng cho một số trường hợp đặc biệt theo hướng dẫn của Tổng cục Môi trường.

đ) Xe mô tô, xe gắn máy phải có thùng chứa và được gắn chặt trên giá đỡ hàng (*phía sau vị trí ngồi lái*) của xe mô tô, xe gắn máy. Kích thước của thùng chứa gắn trên xe mô tô, xe gắn máy phải tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

5. Phương tiện vận chuyển CTNH khi đang hoạt động phải được trang bị như sau:

a) Các dụng cụ cứu hỏa (*ít nhất là bình bọt dập lửa*) theo quy định về phòng cháy chữa cháy.

b) Vật liệu thấm hút (*như cát khô hoặc mùn cưa*) và xăng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thê lỏng.

c) Hộp sơ cứu vết thương; bình chứa dung dịch soda gia dụng để trung hòa khẩn cấp vết bỏng axit trong trường hợp vận chuyển chất thải có tính axit.

d) Thiết bị thông tin liên lạc (*điện thoại di động hoặc bộ đàm...*).

đ) Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất là 30 cm mỗi chiều, có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại CTNH được vận chuyển ít nhất ở hai bên của phương tiện; có dòng chữ "**VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI**" với chiều cao chữ ít nhất 15 cm kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ được đặt cố định ít nhất ở hai bên của phương tiện; vật liệu và mực của dấu hiệu và các dòng chữ nêu trên không bị mờ và phai màu. Trừ trường hợp xe gắn máy thì kích thước lựa chọn phù hợp với thực tế.

e) Biển thông báo sự cố cho các đối tượng giao thông khác trong trường hợp sự cố trên đường.

g) Các bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn phương tiện vận chuyển và xếp dỡ hay nạp xả CTNH, quy trình ứng phó sự cố (*kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hỏa của các địa phương trên địa bàn hoạt động*), nội quy về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe (*kèm theo yêu cầu về thiết bị bảo hộ cá nhân*) đặt ở cabin hoặc khu vực điều khiển theo quy định của pháp luật, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

h) Không chở các CTNH có khả năng phản ứng hóa học với nhau trong cùng một phương tiện vận chuyển, hoặc phải có biện pháp cách ly phù hợp tránh không để CTNH phản ứng hóa học với nhau kể cả khi có sự cố rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn.

Phần IV

XỬ LÝ BAO GÓI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT SAU SỬ DỤNG

1. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng lưu chứa ở bể chứa hoặc khu vực lưu chứa phải được chuyển đi xử lý trong vòng 12 tháng.

2. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng ở bể chứa hoặc khu vực lưu chứa phải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý

theo quy định về quản lý chất thải nguy hại (*Đơn vị phải có giấy phép xử lý chất thải nguy hại quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại*).

Phần V **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC,** **CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

1. Trách nhiệm của người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và doanh nghiệp đầu tư trực tiếp sản xuất cây trồng nông, lâm nghiệp có phát sinh bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

a) Người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm:

- Trang bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, ủng cao su và các phương tiện, vật tư cần thiết khác phục vụ việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

- Sau khi pha chế, phun rải thuốc BVTV phải thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng để vào bể chứa.

- Để riêng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng với rác thải sinh hoạt và rác vệ sinh đồng ruộng.

- Không sử dụng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vào các mục đích khác.

- Không tự ý đốt hoặc đem chôn bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

b) Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp sản xuất cây trồng nông, lâm nghiệp có phát sinh bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng có trách nhiệm:

- Tổ chức thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong địa bàn quản lý của doanh nghiệp.

- Ký hợp đồng chuyển giao bao gói thuốc BVTV sau sử dụng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại để xử lý.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

- Trả chi phí cho việc xây dựng bể chứa, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật

a) Người thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng có trách nhiệm:

- Thực hiện các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

- Trang bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, ủng cao su và các phương tiện, vật tư cần thiết khác phục vụ việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

- Ký hợp đồng và được trả công theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với người sử dụng lao động trong việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

b) Đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa:

- Đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa trực tiếp thu gom, hoặc ký hợp đồng hoặc huy động sự hỗ trợ của tổ chức, cá nhân thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng từ bể chứa đến khu vực lưu chứa và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng không để đúng nơi quy định trên địa bàn quản lý.

- Đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và đúng tên đăng ký Sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoặc báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ; kê khai chứng từ và chuyển giao bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

c) Tổ chức, cá nhân vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng thực hiện theo hướng dẫn tại Phần III của Hướng dẫn này và các quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3. UBND các huyện, thành phố (*UBND cấp huyện*):

a) Tổ chức, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn (*UBND cấp xã*) thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn; quản lý việc thu gom bao gói thuốc BVTV trên địa bàn.

b) Quản lý hoạt động chuyển giao bao gói thuốc BVTV sau sử dụng của đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa (*thuộc các xã phường, thị trấn trên địa bàn*) với đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp theo quy định về quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

c) Kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch, kinh phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện.

d) Chủ động sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (*được giao hằng năm*) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*) để tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn phù hợp với khả năng của ngân sách.

e) Hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn quản lý, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Quy định địa điểm đặt bể chứa, khu vực lưu chứa; triển khai xây dựng bể chứa, khu vực lưu chứa bảo đảm yêu cầu theo quy định.

b) Lựa chọn đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa.

c) Quản lý hoạt động chuyển giao bao gói thuốc BVTV sau sử dụng của đơn vị quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa với đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp theo quy định về quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

d) Tuyên truyền, hướng dẫn người sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn thu gom bao gói vào bể chứa và thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan; quản lý các bể chứa, khu vực lưu chứa bao gói thuốc BVTV trên địa bàn.

đ) Kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định của pháp luật.

e) Hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn quản lý, báo cáo UBND cấp huyện.

5. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho UBND cấp huyện tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn việc vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra công tác vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh.

Phần VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung của Hướng dẫn này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Hướng dẫn này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy